

VFRONTIER

VINACONTROL NEWSLETTER

FEBRUARY 2026

Assuring the
Green Value Chain

THƯ NGỎ

OPENING MESSAGE

VRONTIER | ASSURING THE GREEN VALUE CHAIN
ISSUE NO.9 – FEBRUARY 2026

Kính gửi Quý đồng nghiệp, đối tác và những người bạn của Vinacontrol,

Tháng Hai, khi nhịp sản xuất – thương mại dần trở lại sôi động trên khắp các thủ phủ công nghiệp và hải cảng quốc tế, chuỗi cung ứng toàn cầu cũng bước vào một chu kỳ vận hành mới. Trong dòng chảy ấy, những yêu cầu về phát triển bền vững và minh bạch dữ liệu ngày càng trở thành **chuẩn mực chung của thị trường**.

Chính từ những chuyển động đó, khái niệm “**chuỗi giá trị xanh**” dần được định hình – nơi mà mỗi sản phẩm không còn chỉ được đo đếm bằng những hải trình xa xôi hay giá trị giao dịch thuần túy. Giờ đây, thị trường đang đặt ra những câu hỏi lớn hơn: **Sản phẩm đó được tạo ra như thế nào? Và dấu chân môi trường mà nó để lại là bao nhiêu?**

Với **Vinacontrol**, mỗi dấu ấn giám định, thử nghiệm hay chứng nhận không chỉ dừng lại ở việc xác nhận một thông số kỹ thuật. Đó còn là cách chúng tôi **chuẩn hóa dữ liệu, minh bạch quy trình và gìn giữ kỷ cương chất lượng** trong dòng chảy thương mại. Từ kiểm kê khí nhà kính, đánh giá tuân thủ các chuẩn mực môi trường đến những giải pháp đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tất cả đều hướng tới một mục tiêu chung: **kiến tạo những lớp bảo chứng tin cậy** cho các chuỗi giá trị ngày càng xanh và bền vững.

Trong mạch chuyển dịch ấy, **VRONTIER** mời Quý độc giả tiếp tục hành trình khám phá những câu chuyện đang định hình tương lai của thương mại và phát triển bền vững – từ các xu hướng của nền kinh tế carbon, những chuẩn mực mới của thị trường quốc tế, đến vai trò ngày càng quan trọng của các hệ thống đo lường, xác minh và tiêu chuẩn trong việc xây dựng niềm tin cho chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trên hành trình hướng tới những chuỗi giá trị xanh, Vinacontrol mong được đồng hành cùng Quý vị – để mỗi sản phẩm không chỉ đạt chuẩn về chất lượng, mà còn mang theo những giá trị bền vững, nuôi dưỡng niềm tin cho thị trường và cộng đồng.

Trân trọng,

Ban Biên tập VRONTIER
VRONTIER Editorial Team
Vinacontrol Group

Dear colleagues, partners, and friends of Vinacontrol,

February marks the moment when production and trade gradually regain momentum across industrial hubs and international seaports, ushering global supply chains into a new cycle of activity. In this evolving landscape, sustainability and data transparency are increasingly emerging as **shared standards of the marketplace**.

It is from these shifts that the concept of the “**green value chain**” has steadily taken shape – one in which every product is no longer measured solely by nautical miles or transactional value. Today, the global market demands answers to more profound questions: **How was this product created, and what is the environmental footprint it leaves behind?**

At **Vinacontrol**, each mark of inspection, testing, or certification goes far beyond confirming a technical parameter. We **standardize data, bring transparency to processes, and uphold the discipline of quality** within the flow of global trade. From greenhouse gas inventories and environmental compliance assessments to quality assurance and traceability solutions, all efforts converge on a common purpose: **building reliable layers of assurance** for value chains that are becoming ever greener and more sustainable.

Within this evolving context, **VRONTIER** invites you to continue exploring the narratives shaping the future of trade and sustainable development – from the emerging dynamics of the carbon economy and new expectations in international markets to the increasingly pivotal role of measurement, verification, and standards in building trust across global supply chains.

As we navigate toward a greener horizon, Vinacontrol is honored to be your strategic partner – ensuring that every product not only meets the highest standards of quality but also carries the enduring values that foster trust across markets and communities.



MỤC LỤC CONTENT

3 | **Tiêu điểm tháng**
Highlight of the Month

24 | **Giải pháp**
Our Solutions

6 | **Nhịp ngành – Thị trường
và Chính sách**
Industry & Market Pulse

29 | **Văn hoá và Con người**
Our Culture & People

16 | **Hành trình bền vững**
The Sustainable Path

31 | **Truyền cảm hứng**
Spark of Inspiration

20 | **Góc chuyên môn**
Technical Spotlight

32 | **Kế hoạch tháng tới**
Looking Ahead

Chủ đề: Giải pháp đảm bảo chuỗi cung ứng toàn diện

Topic: Comprehensive supply chain assurance solutions

➤ Xuất khẩu than củi: Làm sao để lộ trình "thông suốt" và an toàn tuyệt đối?

Trong bối cảnh xuất khẩu than củi và briquette sinh khối đối mặt với các rào cản khắt khe về rủi ro tự phát nhiệt, việc thiết lập một "hồ sơ kỹ thuật" minh bạch trở thành chìa khóa để hàng hóa thông quan an toàn. Với giải pháp **thử nghiệm tự phát nhiệt (Self-Heating Test)** chuẩn xác, quy trình **giám sát đóng hàng (Vanning Survey)** tỉ mỉ và các **phân tích lý hóa** chuyên sâu, Vinacontrol không chỉ cung cấp những chứng thư độc lập giúp các nhà xuất khẩu đáp ứng chuẩn mực quốc tế mà còn đóng vai trò là "chốt chặn" an toàn cho toàn bộ chuỗi cung ứng. Với bề dày 69 năm kinh nghiệm, chúng tôi đồng hành cùng doanh nghiệp hóa giải các rủi ro vận tải, biến những thách thức kỹ thuật thành lợi thế cạnh tranh bền vững trên thị trường toàn cầu.

*In the context of exporting charcoal and biomass briquettes, where stringent regulations regarding self-heating risks prevail, establishing a transparent technical dossier is the definitive key to seamless customs clearance and maritime safety. By integrating precise **Self-Heating Testing** with meticulous **Vanning Surveys** and in-depth **physicochemical analyses**, Vinacontrol provides independent certifications that not only meet international standards but also serve as a critical safety benchmark for the entire supply chain. With a 69-year legacy of expertise, we empower enterprises to mitigate transport risks, transforming technical hurdles into a sustainable competitive advantage in the global market.*

Instagram

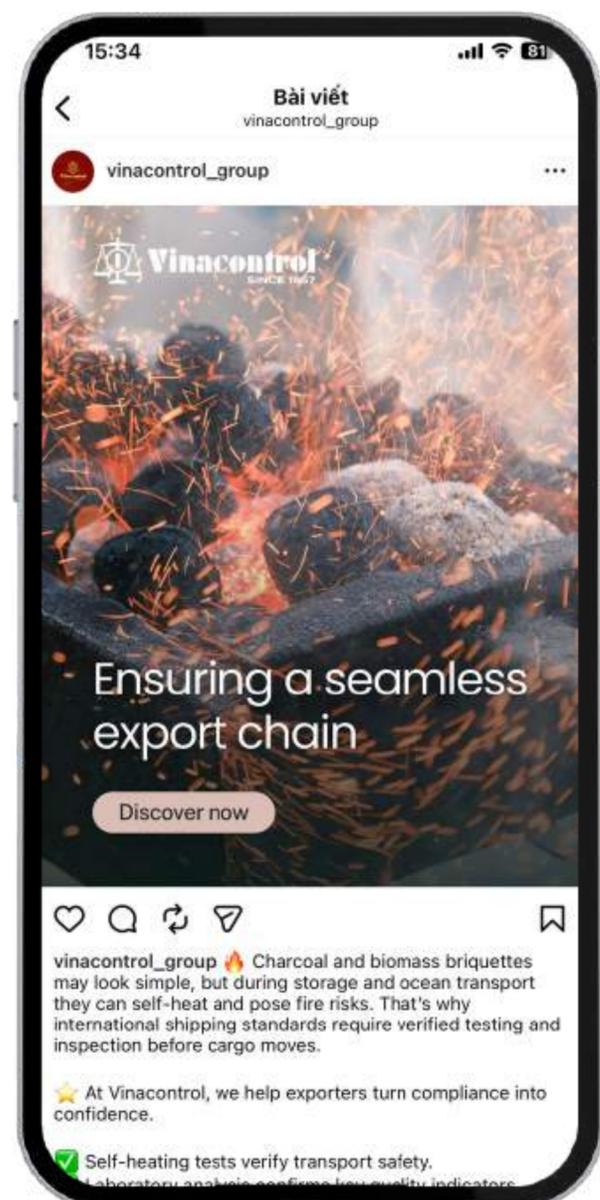
February 2nd, 2026

Facebook

February 2nd, 2026



🔍 Discover now



🔍 Discover now

Chủ đề: Phát triển bền vững và Chuyển đổi xanh
 Topic: Sustainable Development & Green Transition

Thẩm tra – Thẩm định khí nhà kính: Chìa khóa minh bạch trong kỷ nguyên carbon

Instagram

February 23rd, 2026



Discover now

Trong bối cảnh các rào cản xanh như CBAM hay CSRD đang định hình lại luật chơi thương mại toàn cầu, việc kiểm kê khí nhà kính không còn dừng lại ở trách nhiệm báo cáo mà đã trở thành bài toán quản trị chiến lược. **Thẩm tra và thẩm định theo tiêu chuẩn ISO 14064-3** đóng vai trò là "lớp bảo chứng" khách quan, giúp doanh nghiệp chuẩn hóa dữ liệu phát thải lịch sử và xác thực tính hợp lý của các mục tiêu giảm phát thải trong tương lai. Đây chính là chìa khóa để minh bạch hóa dấu chân carbon, từ đó hóa giải các rủi ro pháp lý và mở rộng cánh cửa tiếp cận các nguồn tài chính xanh quốc tế.

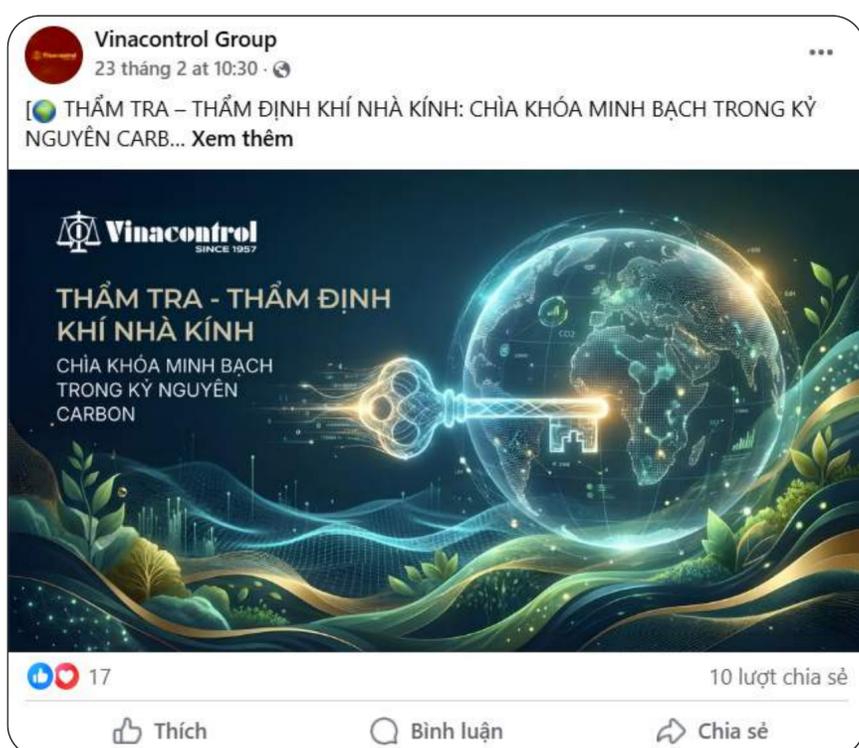
As green mandates like CBAM and CSRD redefine global trade, GHG inventory has shifted from a reporting duty to a strategic imperative. **Verification and Validation under ISO 14064-3** provide an objective "assurance layer," standardizing emissions data and authenticating future reduction targets. This transparency is the key to mitigating regulatory risks and unlocking access to international green finance.

Article

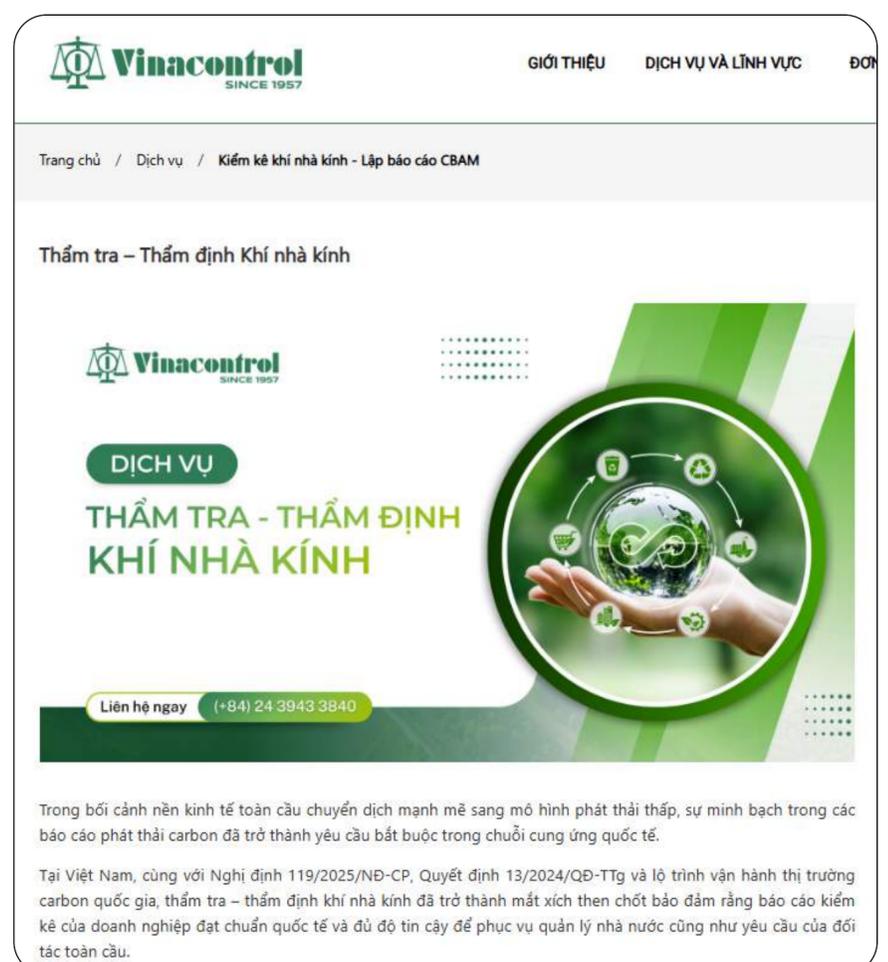
February 23rd, 2026

Facebook

February 23rd, 2026



Discover now



Discover now

Chủ đề: Đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý Nhà nước
 Topic: *Conformity Assessment for State management*

➤ Chứng nhận hợp quy khăn giấy, giấy vệ sinh – Doanh nghiệp đã thực hiện đúng?

Trong lộ trình hiện thực hóa Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, **trang thiết bị được xem là "xương sống kỹ thuật"** đòi hỏi sự kiểm soát nghiêm ngặt để đảm bảo độ chính xác trong chẩn đoán và điều trị. Việc tuân thủ **kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP** không chỉ là nghĩa vụ pháp lý đối với các cơ sở y tế mà còn là nền tảng thiết lập chuẩn mực an toàn cho toàn ngành.

Với bề dày kinh nghiệm và năng lực được các Bộ, ban ngành chỉ định, Vinacontrol cung cấp giải pháp kiểm định, hiệu chuẩn chuyên sâu, đóng vai trò là "lớp bảo chứng" tin cậy giúp chuẩn hóa vận hành và bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua những cam kết chất lượng chuẩn xác.

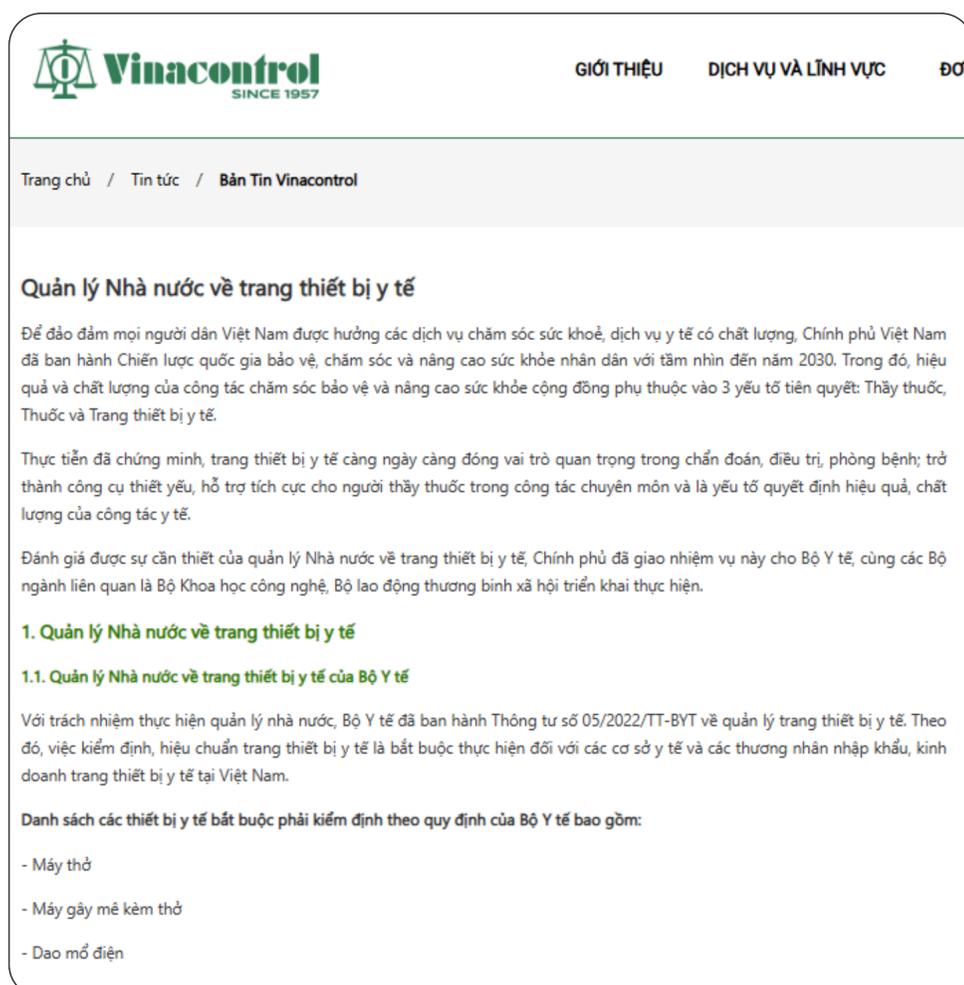
Facebook
 January 27th, 2026



🔍 Discover now

Article

January 12th, 2026



🔍 Discover now

*In the roadmap to implement National Strategy for protection, care and improvement of the people's health by 2030 with a vision towards 2045, **medical equipment serves as the "technical backbone"** requiring rigorous control to ensure diagnostic and therapeutic precision. Compliance with **safety and technical performance inspections under Decree 98/2021/ND-CP** is not only a legal obligation for healthcare facilities but also the foundation for establishing industry-wide safety standards. Leveraging decades of experience and ministerial authorizations, Vinacontrol provides specialized inspection and calibration solutions, acting as a trusted "technical assurance layer" that standardizes operations and protects public health through precise quality commitments.*

Lợi ích Carbon từ rừng: Từ giá trị sinh thái đến cơ hội thị trường



Ông **VŨ TẤN PHƯƠNG**

Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Quản lý rừng bền vững (VFCC)

Rừng đã và đang cung cấp lợi ích to lớn cho sản xuất, sinh kế và đặc biệt là các giá trị sinh thái của rừng trong giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh chuyển dịch sản xuất theo hướng xanh, phát thải các-bon thấp và thực hiện mục tiêu khí hậu theo Thỏa thuận Paris, carbon dần được chuẩn hóa thành một đơn vị có thể đo đếm và giao dịch, trong đó tín chỉ các-bon từ rừng đang mở ra một không gian kinh tế mới cho ngành lâm nghiệp. Tuy nhiên, cơ hội này không chỉ phụ thuộc vào tài nguyên rừng, mà còn nằm ở năng lực quản trị rừng, hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định và xác minh (MRV) tin cậy và sự minh bạch về quyền quản lý, sử dụng rừng theo pháp luật.

VRONTIER trao đổi với ông Vũ Tấn Phương – Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Quản lý rừng bền vững (VFCC) về **điều kiện để tín chỉ carbon rừng có thể phát triển một cách minh bạch và bền vững tại Việt Nam.**

Thưa ông, Việt Nam đã có nhiều năm thúc đẩy quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Theo ông, nền tảng này tạo thuận lợi như thế nào cho việc phát triển tín chỉ carbon rừng? Liệu có thể xem việc lượng hóa giá trị hấp thụ carbon là bước tiếp theo trong quá trình gia tăng giá trị kinh tế của rừng?

Việt Nam đã đặt mục tiêu quản lý rừng bền vững từ những năm 2000 và đang nỗ lực thực hiện mục tiêu này. Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2018 nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững ở Việt Nam. Theo đó, quản lý rừng đã có những thay đổi đáng kể để đáp ứng yêu cầu quản lý, phù hợp với xu hướng quốc tế và đáp ứng yêu cầu thị trường. Điều này có nghĩa các chủ rừng, cơ quan quản lý, doanh nghiệp đã hiểu và hướng đến đáp ứng các yêu cầu trong quản lý rừng bền vững, bao gồm các vấn đề về quản trị, hợp pháp, bền vững, nguồn gốc sản phẩm, tác động môi trường và xã hội. Đây cũng là các yêu cầu cơ bản trong phát triển dự án các-bon và thương mại tín chỉ các-bon.

Để carbon rừng có thể tham gia thị trường, việc đo đạc – báo cáo – thẩm định (MRV) phải bảo đảm độ tin cậy cao.

Ông đánh giá thế nào về năng lực hiện nay trong xây dựng đường cơ sở, đo đạc, báo cáo và xác minh tín chỉ carbon? Việt Nam cần ưu tiên điều gì để nâng cao tính minh bạch và khả năng được thị trường công nhận?

Việt Nam đã có kinh nghiệm trong thực hiện dự án các-bon, ví dụ dự án REDD+ ở vùng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khung pháp lý về kiểm kê khí nhà kính, MRV đã được hình thành.

Tuy nhiên, yêu cầu đối với tín chỉ các-bon khá đa dạng, tùy thuộc vào thị trường và tiêu chuẩn áp dụng. Năng lực ở cấp quốc gia là khá tốt, nhưng ở cấp địa phương, chủ rừng và doanh nghiệp còn hạn chế. Cải thiện năng lực xây dựng, thực hiện dự án các-bon bao gồm MRV, quản trị và minh bạch thông tin, phân tích thị trường là những nội dung cần được cải thiện và tăng cường.

Phần lớn rừng tự nhiên thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện quản lý; bên cạnh đó là diện tích rừng được giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng sử dụng hợp pháp.

Thực tiễn này đặt ra những vấn đề gì khi triển khai dự án carbon rừng, đặc biệt trong việc xác định chủ thể tham gia và cơ chế phân chia lợi ích từ tín chỉ carbon?



Carbon rừng không chỉ là câu chuyện môi trường, mà là cơ hội tạo ra sản phẩm mới từ rừng.

Ông VŨ TẤN PHƯƠNG

Giám đốc Trung tâm Chứng nhận Quản lý rừng bền vững (VFCC)

Theo ông, đâu là cơ hội để các chủ rừng nhỏ có thể tham gia thị trường một cách hiệu quả và đúng quy định?

Đúng là khung pháp lý hiện tại chưa đề cập rõ ràng về quyền các-bon rừng liên quan đến rừng thuộc sở hữu toàn dân, trong đó chủ yếu là diện tích rừng tự nhiên. Hiện nay, khung pháp lý đang được hoàn thiện theo hướng làm rõ cơ chế chia sẻ lợi ích trong các chương trình, dự án các-bon rừng thực hiện trên diện tích rừng sở hữu toàn dân.

Đối với rừng trồng sản xuất, quyền sở hữu đã rõ và các chủ rừng này có quyền hưởng dụng các lợi ích tạo ra từ diện tích của họ, bao gồm cả các-bon.

Với chủ rừng nhỏ là cá nhân, hộ gia đình cần liên kết thành nhóm với quy mô phù hợp để thực hiện quản lý rừng bền vững, kết hợp với lợi ích các-bon. Các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đang thực hiện quy định về hạn ngạch phát thải cần tiên phong, hỗ trợ và đầu tư vào quản lý rừng theo nhóm cho mục tiêu các-bon.



VRONTIER quan tâm đến sáng kiến phát triển dự án hấp thụ carbon thông qua cải tạo khu vực sản xuất hiện hữu bằng mô hình xen canh (intercropping), theo hướng “tập trung cục bộ, phân tán cảnh quan”.

Theo ông, mô hình này có thể giúp gia tăng trữ lượng carbon và tạo thêm nguồn thu cho người dân như thế nào? Các chủ rừng cần lưu ý điều gì để bảo đảm tính bền vững dài hạn?

Đây là một trong các loại hình tăng hấp thụ carbon thông qua biện pháp nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán. Loại hình này phù hợp với quy định hiện hành, đặc biệt là các khu vực canh tác cây nông nghiệp ngắn ngày trên đất dốc. Với phương thức này, chúng ta có thể trồng xen cây thân gỗ, cải thiện các biện pháp quản lý để tạo tín chỉ carbon, đồng thời cải thiện cảnh quan và các giá trị sinh thái khác.

Để tín chỉ carbon rừng trở thành một nguồn lực tài chính ổn định, khung pháp lý cần làm rõ quyền tham gia dự án và cơ chế chia sẻ lợi ích giữa Nhà nước, chủ rừng và nhà đầu tư.

Theo ông, những điểm nào hiện còn vướng mắc và cần sớm được hoàn thiện để tạo niềm tin cho thị trường?

Carbon rừng không chỉ là câu chuyện môi trường, mà là cơ hội tạo ra sản phẩm mới từ rừng. Thương mại tín chỉ carbon đang trở nên rõ ràng khi khung pháp lý đã cơ bản hoàn thiện và sự phát triển mạnh mẽ của thị trường carbon quốc tế. Việt Nam đã có Nghị định quy định về sàn giao dịch carbon trong nước và đang

tiến hành quy định hạn ngạch phát thải. Điều này sẽ tạo ra cầu về tín chỉ carbon và thị trường giao dịch dần được hình thành.

Vận hành sàn giao dịch carbon là vấn đề mới ở Việt Nam, nhưng chúng ta có thể học hỏi từ thị trường quốc tế. Như đã nêu ở trên, khung pháp lý liên quan đến carbon rừng đang được hoàn thiện, bao gồm các vấn đề về đầu tư, chia sẻ lợi ích, báo cáo và xác minh. Hy vọng rằng các quy định này sẽ sớm được ban hành trong năm 2026. Điều quan trọng là cần tạo ra cơ chế phù hợp để huy động nguồn lực đầu tư từ khối tư nhân.

Các chính sách hiện nay thúc đẩy sự tham gia của khối tư nhân trong chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh, phát thải thấp, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải của quốc gia. Ông đánh giá thế nào về vai trò và cơ hội của các doanh nghiệp trong thực hiện các chính sách này và doanh nghiệp cần nhìn nhận vấn đề này như thế nào?

Ngoài các quy định bắt buộc về giảm phát thải khí nhà kính, trên phương diện quốc tế còn có cơ chế tự nguyện thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và môi trường. Xu hướng thị trường sẽ hướng tới các sản phẩm xanh, phát thải carbon thấp. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động cải thiện sản xuất theo hướng này và đầu tư, liên kết đầu tư vào các dự án carbon trong lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất, đóng góp cho mục tiêu chung của quốc gia về giảm phát thải kính nhà kính, tạo nguồn tài chính bổ sung từ tín chỉ carbon.



Forest Carbon benefits: From ecological value to market opportunities



Mr. VU TAN PHUONG

Director of the Vietnam Forest Certification Center (VFCC)

Forests have long provided immense benefits for production, livelihoods, and especially the ecological values of forests in climate change mitigation and adaptation. In the context of a shift toward green production, low-carbon emissions, and the implementation of climate goals under the Paris Agreement, carbon is gradually being standardized into a quantifiable and tradable unit, in which forest carbon credits are opening a new economic space for the forestry sector. However, this opportunity depends not only on forest resources but also on forest governance capacity, a reliable Measurement, Reporting, and Verification (MRV) system, and transparency regarding forest management and use rights under the law.

VRONTIER sat down with Mr. Vu Tan Phuong – Director of the Vietnam Forest Certification Center (VFCC) – regarding **the conditions for forest carbon credits to develop in a transparent and sustainable manner in Vietnam.**

Sir, Vietnam has promoted sustainable forest management and forest certification for many years. In your view, how does this foundation facilitate the development of forest carbon credits? Can the quantification of carbon sequestration values be considered the next step in the process of increasing the economic value of forests?

Vietnam set goals for sustainable forest management in the 2000s and is striving to achieve these objectives. The Vietnam Forest Certification Scheme (VFCS) was approved by the Prime Minister in 2018 to promote sustainable forest management in Vietnam. Accordingly, forest management has undergone significant changes to meet management requirements, aligning with international trends and market demands. This means that forest owners, regulatory agencies, and enterprises have understood and aimed to meet the requirements of sustainable forest management, including issues of governance, legality, sustainability, product origin, and environmental and social impacts. These are also the fundamental requirements for the development of carbon projects and the trade of carbon credits.

For forest carbon to participate in the market, Measurement, Reporting, and Verification (MRV) must ensure high reliability.

How do you evaluate the current capacity in building baselines, measurement, reporting, and the verification of carbon credits? What should Vietnam prioritize to enhance transparency and the possibility of market recognition?

Vietnam has experience in implementing carbon projects, such as REDD+ projects in the North Central, South Central, and Central Highlands regions. The legal framework for greenhouse gas inventories and MRV has been established.

However, requirements for carbon credits are quite diverse, depending on the market and the applied standards. Capacity at the national level is relatively good, but it remains limited at the local level and among forest owners and enterprises. Improving the capacity to build and implement carbon projects, including MRV, governance, information transparency, and market analysis, are areas that need to be improved and strengthened.

The majority of natural forests are under public ownership, managed by the State as the representative; alongside this is the forest area allocated to organizations, households, individuals, and communities for legal use.

What issues does this reality pose when deploying forest carbon projects, particularly in identifying participating entities and mechanisms for sharing benefits from carbon credits?

In your opinion, what is the opportunity for smallholder forest owners to participate in the market effectively and in compliance with regulations?

It is true that the current legal framework does not explicitly mention forest carbon rights concerning publicly owned forests, which primarily consist of natural forest areas. Currently, the legal framework is being finalized to clarify benefit-sharing mechanisms in forest carbon programs and projects implemented on publicly owned forest land.

For production plantation forests, ownership rights are clear, and these forest owners have the right to enjoy the benefits generated from their land, including carbon. Smallholder forest owners, such as individuals and households, need to associate into groups of appropriate scale to implement sustainable forest management combined with carbon benefits. Enterprises, especially those undergoing emission quota regulations, should pioneer, support, and invest in group-based forest management for carbon objectives.



Forest carbon is not just an environmental story; it is an opportunity to create new products from the forest

Mr. VU TAN PHUONG

Director of the Vietnam Forest Certification Center (VFCC)





VRONTIER is interested in the initiative to develop carbon sequestration projects by rehabilitating existing production areas through intercropping models, following the direction of "local concentration, landscape dispersion".

In your view, how can this model help increase carbon stocks and create additional income for the people? What should forest owners note to ensure long-term sustainability?

This is one of the types of increasing carbon sequestration through agroforestry measures and scattered tree planting. This type is consistent with current regulations, especially for areas cultivating short-term agricultural crops on sloping land. With this method, we can intercrop timber trees and improve management measures to generate carbon credits, while simultaneously enhancing the landscape and other ecological values.

For forest carbon credits to become a stable financial resource, the legal framework must clarify project participation rights and benefit-sharing mechanisms between the State, forest owners, and investors.

In your opinion, which points are currently obstacles and need early completion to build market confidence?

Forest carbon is not just an environmental story; it is an opportunity to create new products from the forest. Carbon credit trading is becoming clear as the legal framework is fundamentally finalized and the international carbon market develops strongly. Vietnam has established a Decree regulating the domestic carbon trading

floor and is proceeding with emission quota regulations. This will create demand for carbon credits, and the trading market will gradually be formed.

Operating a carbon exchange is a new issue in Vietnam, but we can learn from the international market. As mentioned above, the legal framework related to forest carbon is being finalized, including issues of investment, benefit-sharing, reporting, and verification. It is hoped that these regulations will be promulgated early in 2026. It is important to create appropriate mechanisms to mobilize investment resources from the private sector.

Current policies promote private sector participation in transitioning production toward green and low-emission pathways, contributing to national emission reduction targets. How do you evaluate the roles and opportunities for enterprises in implementing these policies, and how should businesses perceive this issue?

In addition to mandatory regulations on greenhouse gas emission reductions, there are international voluntary mechanisms that demonstrate corporate responsibility toward the community and the environment. Market trends will move toward green, low-carbon products. Therefore, enterprises need to proactively improve production in this direction and invest, or enter into investment partnerships, in carbon projects within the forestry and land-use sectors, contributing to common national goals on greenhouse gas emission reduction and creating supplementary financial resources from carbon credits.

↗
 Chính sách mới của Liên minh châu Âu về miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào: Cơ hội mở rộng thị trường nhưng tăng sức ép cạnh tranh / *EU's new import duty exemptions on raw materials: Market expansion opportunities amid intensifying strategic competition*

Kể từ ngày 1/1/2026, Liên minh châu Âu (EU) chính thức áp dụng **chính sách miễn thuế nhập khẩu đối với một số nguyên liệu đầu vào, bán thành phẩm và linh kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp**. Đây là bước điều chỉnh chiến lược nhằm giảm chi phí sản xuất và tái cấu trúc chuỗi cung ứng nội khối theo hướng bền vững và tự chủ hơn trước những biến động toàn cầu. Tuy nhiên, do chính sách này áp dụng trên nguyên tắc Tối huệ quốc (MFN) cho hầu hết các quốc gia cung ứng, nó vô hình trung làm thu hẹp lợi thế thuế quan ưu đãi mà Việt Nam đang nắm giữ thông qua Hiệp định EVFTA, đặt các doanh nghiệp nội địa vào một môi trường cạnh tranh trực tiếp và gay gắt hơn.

Đứng trước bước ngoặt này, doanh nghiệp Việt Nam đang đối mặt với những cơ hội và thách thức đan xen. Một mặt, chính sách mới mở ra "cửa sáng" để tiếp cận thị trường EU với chi phí thuế thấp hơn cho các mặt hàng chưa được xóa bỏ thuế hoàn toàn theo lộ trình EVFTA. Mặt khác, việc EU không yêu cầu quy tắc xuất xứ ưu đãi đối với danh mục này giúp các đối thủ cạnh tranh ngoài khối dễ dàng thâm nhập thị trường với thủ tục đơn giản hơn. Để duy trì vị thế, các doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị **"tấm hộ chiếu" xanh và số hóa toàn diện, tập trung vào chuyên môn hóa và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật** để trở thành mắt xích bền vững trong chuỗi cung ứng của châu Âu.

*Effective January 1, 2026, the European Union (EU) has officially implemented a new **import duty exemption policy for specific raw materials, semi-finished goods, and components across the agricultural and industrial sectors**. This strategic adjustment aims to reduce production costs and restructure internal supply chains toward greater sustainability and autonomy in response to global fluctuations. However, as these exemptions are applied on a Most-Favored-Nation (MFN) basis for nearly all supplying countries, the policy inherently narrows the preferential tariff advantages that Vietnam holds through the EVFTA, placing domestic enterprises in a more direct and aggressive competitive environment.*



*Standing at this crossroads, Vietnamese enterprises face a landscape of intertwined opportunities and challenges. On one hand, the new policy opens a "clear window" to access the EU market with lower tax burdens for product categories that have not yet reached full liberalization under the EVFTA roadmap. On the other hand, because the EU does not require preferential rules of origin for this exempted list, global competitors without FTAs can now penetrate the market with simplified procedures. To maintain their standing, Vietnamese businesses must proactively secure **"green passports" and implement comprehensive digitalization, focusing on specialization and strict compliance with technical standards** to remain a sustainable link in the evolving European supply chain.*

Source: <https://doanhngiepjoinhap.vn/chinh-sach-moi-cua-lien-minh-chau-au-ve-mien-thue...>

Logistics Việt Nam trước ngưỡng cửa "siêu ngành" 280 tỷ USD: Bài toán hạ tầng và vai trò "sếu đầu đàn" / *Vietnam logistics at the threshold of a 280 billion usd "mega-industry": Infrastructure challenges and the role of leading enterprises*

Với tốc độ tăng trưởng mục tiêu 12–15%/năm, **ngành logistics Việt Nam đang đứng trước vận hội lịch sử để trở thành "siêu ngành" với quy mô dự báo chạm mốc 280 tỷ USD vào năm 2035**, song hành cùng mục tiêu đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt ngưỡng 1.000 tỷ USD ngay trong năm 2026. Thay vì chỉ đóng vai trò hậu cần thầm lặng, logistics hiện được định vị là mạch máu chiến lược, thúc đẩy giá trị gia tăng thông qua tri thức và công nghệ để đưa Việt Nam lọt vào nhóm 20 nền kinh tế thương mại hàng đầu thế giới. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, sự chuyển dịch từ thâm dụng lao động sang tự động hóa và tối ưu hóa chuỗi cung ứng là yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi một hệ sinh thái logistics đủ mạnh để dẫn dắt các quyết định phân bổ nguồn lực toàn cầu.

Dù tiềm năng to lớn, ngành vẫn đối mặt với những **"điểm nghẽn" về tính đồng bộ hạ tầng và sự phân mảnh của doanh nghiệp nội địa**, dẫn đến chi phí vận hành thiếu ổn định. Việc tháo gỡ nút thắt này đòi hỏi ưu tiên chuyển đổi từ tư duy "xây nhiều" sang "vận hành tốt", tăng cường kết nối đa phương thức giữa các cửa ngõ quốc tế và hệ thống cao tốc liên vùng nhằm giảm thiểu chi phí trung gian. Bên cạnh sự nhập cuộc của những "sếu đầu đàn" tư nhân trong việc xã hội hóa hạ tầng, các doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị "tấm hộ chiếu" logistics xanh và thực hiện số hóa toàn diện để đáp ứng các rào cản kỹ thuật quốc tế ngày càng khắt khe. Đây không chỉ là giải pháp tối ưu năng suất mà còn là chiến lược sống còn để định vị lại vị thế của Việt Nam trên bản đồ logistics toàn cầu trong giai đoạn bản lề tới.

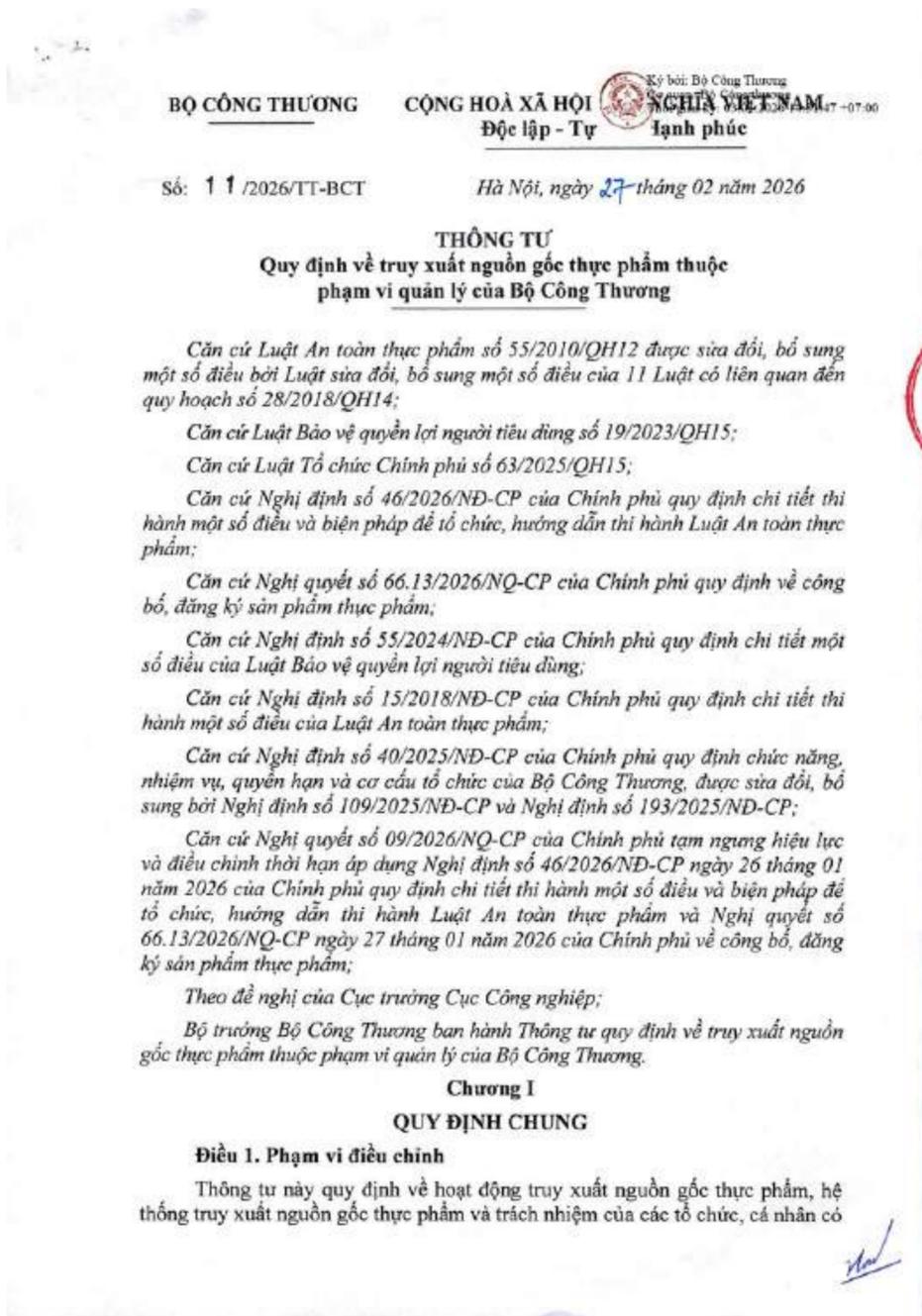
With a target growth rate of 12–15% annually, **Vietnam's logistics sector is standing at the threshold of a major transformation to become a "mega-industry" with a market size projected to reach 280 billion USD by 2035**, coinciding with the goal of surpassing 1 trillion USD in total trade turnover as early as 2026. Instead of merely serving as a silent supporting service, logistics is now positioned as a strategic economic artery, driving value-added growth through knowledge and technology to propel Vietnam into the world's Top 20 trading economies. To realize this vision, a shift from labor-intensive operations to automation and supply chain optimization is an urgent requirement, demanding a logistics ecosystem robust enough to steer global resource allocation decisions.

Despite its immense potential, the industry continues to face significant **bottlenecks in infrastructure synchronization and domestic fragmentation**, leading to unstable operational costs. Addressing these constraints requires a paradigm shift from a "building more" mindset to "operating better," prioritizing multimodal connectivity between international gateways and interregional expressway systems to minimize intermediary costs. Alongside the participation of private sector "lead geese" in infrastructure socialization, enterprises must proactively secure their "green logistics passports" and implement comprehensive digitalization to meet increasingly stringent international technical barriers. This is not only a solution for productivity optimization but also a vital survival strategy to redefine Vietnam's position on the global logistics map during this pivotal transition.

Source: <https://cafef.vn/logistics-viet-nam-truoc-nguong-cua-sieu-nganh-280-ty-usd-bai-toan-ha-tang-va...>



 Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định truy xuất nguồn gốc thực phẩm /
The Ministry of Industry and Trade issues circular on food traceability regulation



Bộ Công Thương vừa ban hành Thông tư 11/2026/TT-BCT thiết lập khung pháp lý mới về truy xuất nguồn gốc thực phẩm, áp dụng nguyên tắc quản lý **“một bước trước - một bước sau”** nhằm đảm bảo tính minh bạch xuyên suốt chuỗi cung ứng. Điểm cốt lõi của quy định này là yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu số, mã hóa thông tin sản phẩm và **kết nối trực tiếp với Hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ Công Thương**. Việc chuẩn hóa dữ liệu không chỉ giúp doanh nghiệp tự giám sát an toàn thực phẩm hiệu quả hơn mà còn là cơ sở để cơ quan quản lý phát hành các cảnh báo khẩn cấp trên Cổng thông tin truy xuất khi phát hiện sai phạm.

Quy định mới cũng thiết lập một quy trình xử lý sự cố nghiêm ngặt, buộc doanh nghiệp phải phản ứng tức thời khi phát hiện sản phẩm không đảm bảo an toàn. Các bước từ xác định mã lô, rà soát hồ sơ sản xuất, đến thông báo khẩn cấp cho mạng lưới phân phối và lập báo cáo khắc phục đều được định hình theo mẫu chuẩn mực quốc tế. Trong bối cảnh yêu cầu về an toàn thực phẩm ngày càng khắt khe, việc tuân thủ Thông tư 11 không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là giải pháp nâng cao uy tín thương hiệu và tối ưu hóa năng lực quản trị rủi ro. Các doanh nghiệp cần sớm đầu tư vào hạ tầng số để đồng bộ hóa dữ liệu, sẵn sàng đáp ứng các đợt kiểm tra và giám sát từ cơ quan thẩm quyền.

The Ministry of Industry and Trade recently issued Circular 11/2026/TT-BCT, establishing a rigorous legal framework for food traceability under its jurisdiction based on the **“one-step back, one-step forward”** principle. A core requirement of this regulation is that food production and business establishments must consistently maintain and store comprehensive data in a digital format, ensuring all information is appropriately encoded for identification. Most notably, these internal databases must be **integrated with the Ministry of Industry and Trade’s National Food Traceability System**, creating a transparent and synchronized information chain that enables authorities to issue real-time warnings upon detecting safety violations.

The Circular also mandates a standardized response protocol, requiring enterprises to initiate immediate traceability upon self-identifying safety risks or at the request of competent authorities. This process encompasses precisely identifying affected batches, auditing production and testing records, and issuing emergency notifications to distributors and agents for proactive product recalls. In an era of heightened food safety standards, compliance with Circular 11 serves as both a legal obligation and a strategic risk management tool, enhancing brand credibility. Businesses are encouraged to prioritize digital infrastructure investments to ensure seamless data synchronization and maintain their standing in an increasingly regulated market.

Source: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/bo-cong-thuong-ban-hanh-thong-tu-quy-dinh-truy-xuat-nguon-goc...>



 Hàng loạt chính sách “siết chặt” có hiệu lực từ 1.3.2026 / *Key regulatory tightening measures set to take effect on march 1, 2026.*

Từ ngày 01/03/2026, **Luật Trí tuệ nhân tạo (AI) 2025** chính thức đi vào thực thi, thiết lập khung pháp lý toàn diện từ **thiết kế - huấn luyện - kiểm thử đến cung cấp cho thị trường và sử dụng trong các hoạt động nghề nghiệp, thương mại, dịch vụ**. Với nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, luật khẳng định AI không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người, đồng thời nghiêm cấm các hành vi lợi dụng hoặc chiếm đoạt hệ thống AI để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.



Đặc biệt, nghiêm cấm phát triển hoặc sử dụng AI nhằm lừa dối, thao túng nhận thức, hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến con người và xã hội.

Song song đó, **Luật Đầu tư 2025** mang đến tín hiệu tích cực khi **cắt giảm, thu hẹp phạm vi nhiều ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện** so với Luật Đầu tư 2020. Theo Phụ lục IV Luật Đầu tư 2025, một số ngành nghề được loại khỏi danh mục hoặc điều chỉnh gồm: kinh doanh làm thủ tục thuế, dịch vụ làm thủ tục hải quan, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, cho thuê lại lao động; giám định thương mại; tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh; tạm nhập tái xuất hàng đã qua sử dụng...

Luật Đầu tư 2025 thể hiện rõ sự chuyển dịch từ mô hình quản lý dựa trên tiền kiểm sang hậu kiểm, với mục tiêu mở rộng không gian kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ và tạo điều kiện cho các dòng vốn đầu tư được lưu thông linh hoạt hơn.

Chính sách mới về bảo hiểm xã hội, về ngân hàng, về cán bộ, công chức... và rất nhiều quy định mới đáng chú ý khác cũng có hiệu lực từ tháng 3.2026.



Effective March 1, 2026, the **Law on Artificial Intelligence 2025** officially enters into force, establishing a comprehensive legal framework that governs the entire lifecycle of AI from **design, training, and testing to market deployment and its application across professional, commercial, and service activities**. Adhering to a human-centric principle, the law reaffirms that AI shall not supersede human authority or responsibility. It strictly prohibits the exploitation or misappropriation of AI systems to

infringe upon the legitimate rights of organizations and individuals. Notably, the framework bans the development or deployment of AI for deceptive purposes, cognitive manipulation, or causing severe harm to individuals and society.

In parallel, the **Law on Investment 2025** signals a positive shift by significantly **streamlining the list of conditional business sectors** compared to its 2020 predecessor. According to Appendix IV, several sectors have been removed or narrowed in scope, including tax agent services, customs brokerage, insurance auxiliaries, labor sub-leasing, commercial inspection, and the temporary import and re-export of frozen foods and used goods.

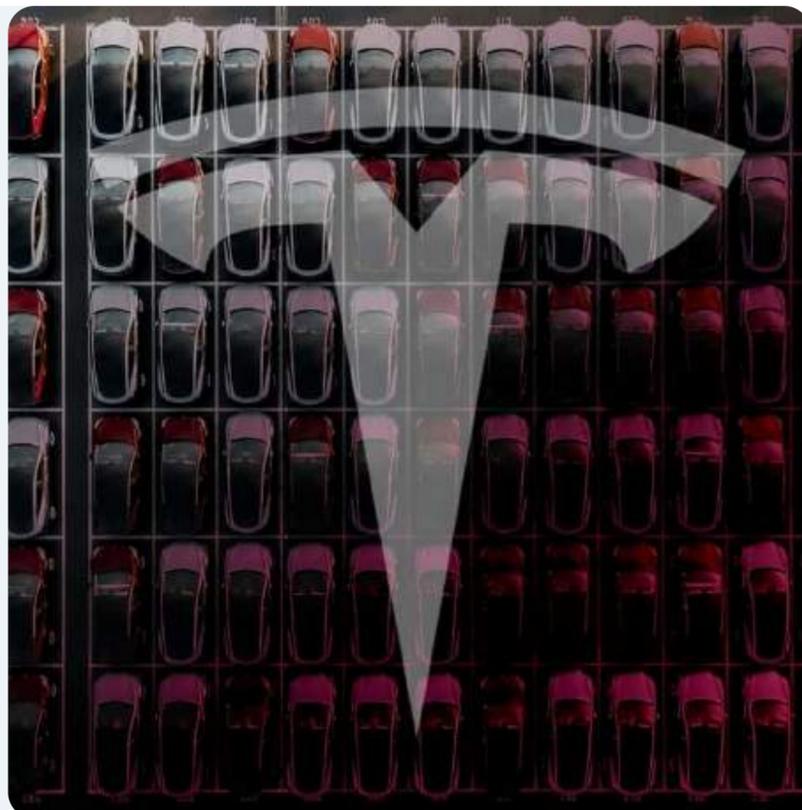
This legislative update marks a decisive transition from a "pre-check" to a "post-check" management model, aimed at expanding business space, reducing compliance costs, and facilitating more flexible capital flows.

New policies governing social insurance, banking operations, and the management of civil servants and public officials along with several other notable regulations will also enter into force in March 2026.

Source: <https://cafef.vn/tu-132026-hang-loat-chinh-sach-siet-chat...>

NGHỊCH LÝ TESLA: KHI ĐỐI THỦ TRẢ TIỀN ĐỂ BẠN TRỞ THÀNH SỐ 1

The Tesla Paradox: When competitors pay for your rise to number one



Thành lập từ năm 2003, đến nay **Tesla** đã trở thành một gã khổng lồ tiên phong trong lĩnh vực sản xuất xe điện. Vốn hóa thị trường của công ty hiện đã vượt mốc 1.000 tỷ USD, trở thành công ty ô tô giá trị nhất thế giới.

Tuy nhiên, tất cả những gì chúng ta đang nhìn thấy chỉ là **“bề nổi của tảng băng chìm”**.

*Established in 2003, **Tesla** has emerged as a pioneering giant in the electric vehicle (EV) manufacturing sector. The company's market capitalization has since surpassed the \$1 trillion milestone, cementing its position as the world's most valuable automaker.*

*However, what we see on the surface is merely **“the tip of the iceberg”**.*

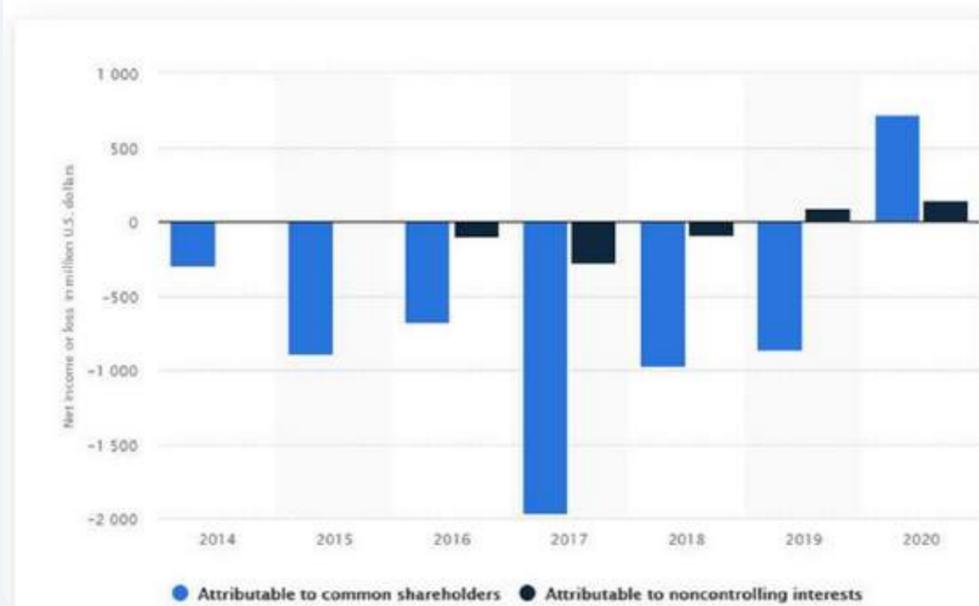
Thực tế, kể từ khi ra mắt, **Tesla liên tục phải gồng lỗ**. Đỉnh điểm là năm 2017, với khoản lỗ kỷ lục 2,24 tỷ USD. Phải đến năm 2020, sau gần 2 thập kỷ, Tesla mới bắt đầu có lãi, nhưng khoản lợi nhuận đột biến đó lại không đến từ việc bán xe mà đến từ một hoạt động khác: **bán tín chỉ carbon**.

*In reality, **Tesla consistently struggled with losses since its inception**. These financial challenges peaked in 2017 with a record-breaking loss of \$2.24 billion. It was not until 2020, nearly two decades after its founding, that Tesla finally turned a profit; yet, this sudden windfall did not stem from vehicle sales, but from a different revenue stream: **the sale of carbon credits**.*



Tín chỉ carbon (Carbon credit) là một loại giấy phép hoặc chứng chỉ có thể giao dịch, cho phép người nắm giữ quyền phát thải 1 tấn CO₂ hoặc loại khí thải khác nằm trong danh sách khí thải nhà kính. Đây là công cụ giúp Chính phủ hạn chế được tình trạng nóng lên toàn cầu.

Tesla's net income/loss from FY 2014 to FY 2020
(in million U.S. dollars)



Source: Statista

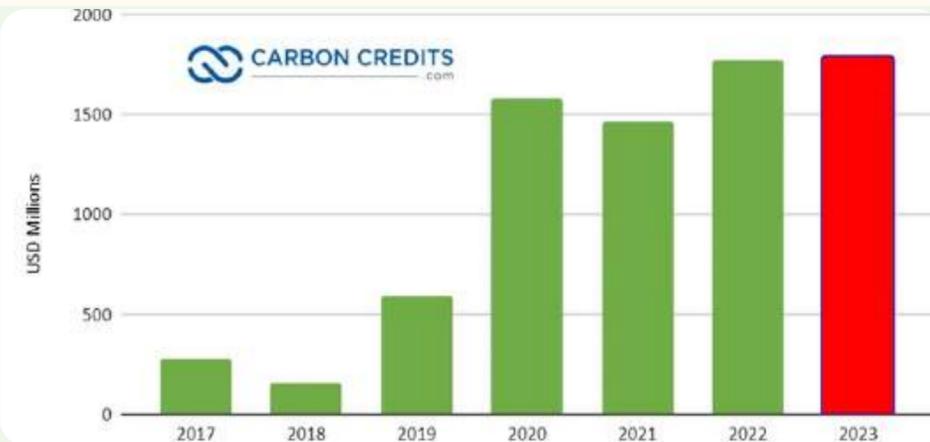
A carbon credit is a tradable permit or certificate providing the holder the right to emit one metric ton of CO₂ or an equivalent amount of different greenhouse gases. It serves as a vital instrument for governments to mitigate global warming.

Khi đối thủ buộc phải trả tiền để tồn tại

When competitors pay to survive

Tín chỉ carbon không tác động trực tiếp đến người mua ô tô, nhưng chúng là tài sản rất quan trọng mà các công ty ô tô cần cân nhắc và chúng sẽ định hình tương lai của ngành. Trong khi nhiều hãng xe khác đang loay hoay tìm hướng đi trong cuộc đua điện khí hoá thì Tesla của Elon Musk đã tạo ra khoản tiền đáng kể **1,79 tỷ USD từ việc bán hạn ngạch phát thải dư thừa** vào năm 2023, nâng tổng thu nhập từ các khoản tín dụng từ tín chỉ carbon kể từ năm 2009 lên gần 9 tỷ USD.

While carbon credits do not directly impact car buyers, they represent vital assets for automakers and are set to shape the future of the industry. While many other manufacturers struggle to navigate the electrification race, Elon Musk's Tesla generated a substantial **\$1.79 billion from selling surplus emission allowances** in 2023, bringing its cumulative revenue from regulatory credits since 2009 to nearly \$9 billion.



Tesla's annual carbon credit revenue. Source: CarbonCredits

2021

FCA (Stellantis)



Kết quả: FCA thoát án phạt, Tesla có thêm nguồn vốn khổng lồ để thống trị thị trường.

In 2021, to avoid fines exceeding \$2.1 billion, Fiat Chrysler - FCA (now Stellantis) paid Tesla a massive sum to enter into an emissions pooling arrangement with Tesla's Zero-Emission Vehicles (ZEVs). Consequently, FCA's emissions were calculated as an average of their fleet combined with Tesla's, significantly reducing their reported footprint and meeting stringent European standards.

Thị trường carbon

Carbon market

Thị trường carbon được hình thành từ các cơ chế hợp tác quốc tế nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Trong đó, **Kyoto Protocol** thuộc United Nations Framework Convention on Climate Change được xem là nền tảng quan trọng khai mở cho sự hình thành và phát triển của thị trường carbon toàn cầu.

Theo cơ chế này, các quốc gia có thể **mua bán hoặc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải** nhằm đạt được các mục tiêu cam kết của mình. Từ đó, trên thị trường xuất hiện một loại đơn vị giao dịch mới đại diện cho lượng phát thải/ giảm phát thải khí nhà kính, phổ biến nhất là **tín chỉ carbon (carbon credits)** và **hạn ngạch phát thải (emission allowances)**.

Do các loại khí nhà kính khác nhau thường được quy đổi về tấn CO₂ tương đương (CO₂e), nên các giao dịch này thường được gọi chung là giao dịch carbon, từ đó hình thành nên thị trường carbon (carbon market).

The carbon market emerged from international cooperation mechanisms aimed at reducing greenhouse gas (GHG) emissions. Among these, the **Kyoto Protocol** under the United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC) is considered the pivotal foundation that pioneered the formation and development of the global carbon market.

Under this mechanism, countries can **trade or transfer emission reduction outcomes** in order to achieve their committed targets. Consequently, a new type of tradable unit has emerged in the market to represent GHG emissions or reductions, most commonly in the form of **carbon credits** and **emission allowances**.

Since different greenhouse gases are typically converted into tons of carbon dioxide equivalent (CO₂e), these transactions are collectively referred to as carbon trading, leading to the formation of the carbon market.



Thị trường carbon tuân thủ The Compliance Carbon Market

Thị trường carbon tuân thủ là thị trường giao dịch carbon được thiết lập và quản lý bởi chính phủ hoặc cơ quan quản lý cấp quốc gia hoặc khu vực, trong đó các doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh bắt buộc phải tham gia nhằm đáp ứng các nghĩa vụ pháp lý về kiểm soát và giảm phát thải khí nhà kính.

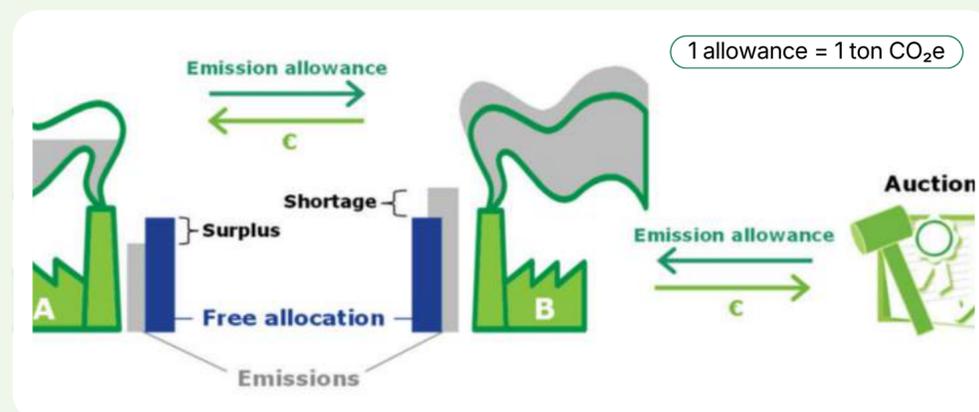
Thị trường carbon này vận hành theo cơ chế cap-and-trade, trong đó cơ quan quản lý đặt ra mức trần phát thải (cap) và phân bổ hạn ngạch phát thải (emission allowances) cho các cơ sở phát thải lớn. Doanh nghiệp phát thải thấp hơn mức được phân bổ có thể bán phần hạn ngạch dư, trong khi doanh nghiệp vượt mức phải mua thêm hạn ngạch để đảm bảo tuân thủ quy định.

The compliance carbon market is a carbon trading system established and managed by national or regional governments or regulatory bodies, where covered entities are mandated to participate to fulfill their legal obligations for greenhouse gas control and emission reduction.

This carbon market operates under a cap-and-trade mechanism, in which regulatory authorities establish an emissions cap and allocate emission allowances to major emitters. Entities that emit below their allocated quota may sell their surplus allowances, while those exceeding the limit are required to purchase additional allowances to ensure regulatory compliance.

Một số hệ thống thị trường carbon tuân thủ tiêu biểu trên thế giới bao gồm/ Notable compliance carbon market systems worldwide include:

- EU Emissions Trading System (EU ETS)
- China National Emissions Trading System (China National ETS)
- California Cap-and-Trade Program
- Korea Emissions Trading Scheme (K-ETS)
- New Zealand Emissions Trading Scheme (NZ ETS)



How the compliance carbon market works



How the voluntary carbon market works

Thị trường Carbon tự nguyện The Voluntary Carbon Market

Khác với thị trường bắt buộc, thị trường carbon tự nguyện không chịu sự chi phối trực tiếp bởi các quy định pháp lý. Các cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức tham gia giao dịch các tài sản carbon – phổ biến nhất là tín chỉ carbon – trên cơ sở tự nguyện nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững, chiến lược ESG, cam kết trung hòa carbon, cũng như các cơ hội về tài chính.

Ngoài tín chỉ carbon, các dự án giảm phát thải hoặc quyền nhận tín chỉ carbon được phát hành trong tương lai (Rights to Future Issuance) cũng có thể trở thành đối tượng giao dịch giữa các bên trên thị trường này.

Unlike compliance market, the voluntary carbon market is not directly governed by legal regulations. Individuals, corporations, and organizations engage in trading carbon assets – most commonly carbon credits – on a voluntary basis to fulfill sustainability goals, ESG strategies, carbon neutrality commitments, and financial opportunities.

In addition to carbon credits, emissions reduction projects or Rights to Future Issuance of carbon credits can also serve as tradable instruments among parties in this market.

Câu chuyện của Tesla không chỉ là một lát cắt thú vị của ngành xe điện. Đó còn là lời nhắc rõ ràng rằng trong nền kinh tế carbon thấp, phát thải không còn đơn thuần là “chi phí phải quản lý”, mà đang dần trở thành một loại tài sản có thể đo lường, xác nhận và giao dịch.

The Tesla narrative is more than just an EV success story; it is a clear reminder that in a low-carbon economy, emissions are no longer merely a "cost to manage" but are becoming a measurable, verifiable, and tradable asset.

Bài học cho doanh nghiệp Việt Nam Strategic Lessons for Vietnamese Enterprises

Decree No. 06/2022/ND-CP on Mitigation of GHG Emissions and Protection of Ozone Layer established a framework for the carbon market

Official Operation of the Vietnam Carbon Credit Exchange

Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải KNK, bảo vệ tầng ô-dôn - đặt nền tảng thị trường

Vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ carbon tại Việt Nam

2020

2022

2025

2029

Luật Bảo vệ môi trường 2020 lần đầu chính thức ghi nhận thị trường carbon

The Law on Environmental Protection 2020 marked the first official recognition of the carbon market in Vietnam.

Quyết định 232/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường carbon; Nghị định 119/2025/NĐ-CP hoàn thiện hành lang pháp lý cho giai đoạn vận hành

Decision 232/QĐ-TTg 2025 Project on the Establishment and Development of a Carbon Market in Vietnam; Decree 119/2025/ND-CP finalized the legal framework for the operational phase

Hành lang pháp lý đang khép lại khoảng trống thời gian.

The legal landscape is fast consolidating, leaving little room for delay.

Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp không nên chỉ nhìn **kiểm kê khí nhà kính** như một nghĩa vụ báo cáo. Đó cần được xem là **bước khởi đầu để nhận diện “tài sản carbon” của chính mình**: biết mình phát thải bao nhiêu, ở đâu, khả năng cắt giảm đến mức nào, và liệu phần giảm phát thải ấy trong tương lai có thể chuyển hóa thành tín chỉ, thành lợi thế cạnh tranh, hay thành điều kiện để tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

*In this context, a **Greenhouse Gas (GHG) Inventory** should not be viewed merely as a reporting obligation. Instead, it must be recognized as the starting point for identifying their own 'carbon assets': understanding your emission levels, identifying reduction potential, and determining whether future emission reductions can be converted into credits, competitive advantages, or essential criteria for deeper integration into global value chains.*



GIẢI MÃ ESG – TỪ KHÁI NIỆM ĐẾN THỰC THI (2)

BỐI CẢNH TỔ CHỨC & ĐÁNH GIÁ TRỌNG YẾU

Organization's context & Materiality assessment

Quy trình 4 bước xác định vấn đề trọng yếu 4-step process to determine material topics

Như đã phân tích ở kỳ trước, **ESG là xu thế không thể đảo ngược** trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang dịch chuyển mạnh mẽ sang mô hình phát triển xanh – tuần hoàn – có trách nhiệm. Việc thực hiện **lập báo cáo ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị) trở thành điều kiện** cần nếu tổ chức, doanh nghiệp muốn tiếp cận thị trường quốc tế, dòng vốn dài hạn và duy trì năng lực cạnh tranh bền vững.

Để lập Báo cáo ESG, tổ chức, doanh nghiệp cần phải **xác định và báo cáo các vấn đề trọng yếu (Material topics)** của mình. Đây là phần quan trọng nhất trong Báo cáo ESG và Tiêu chuẩn GRI (Global Reporting Initiative) đã có 1 văn bản để thảo luận riêng về Vấn đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn GRI 3 (2021) hướng dẫn **bốn bước** mà tổ chức nên thực hiện để xác định các vấn đề trọng yếu:

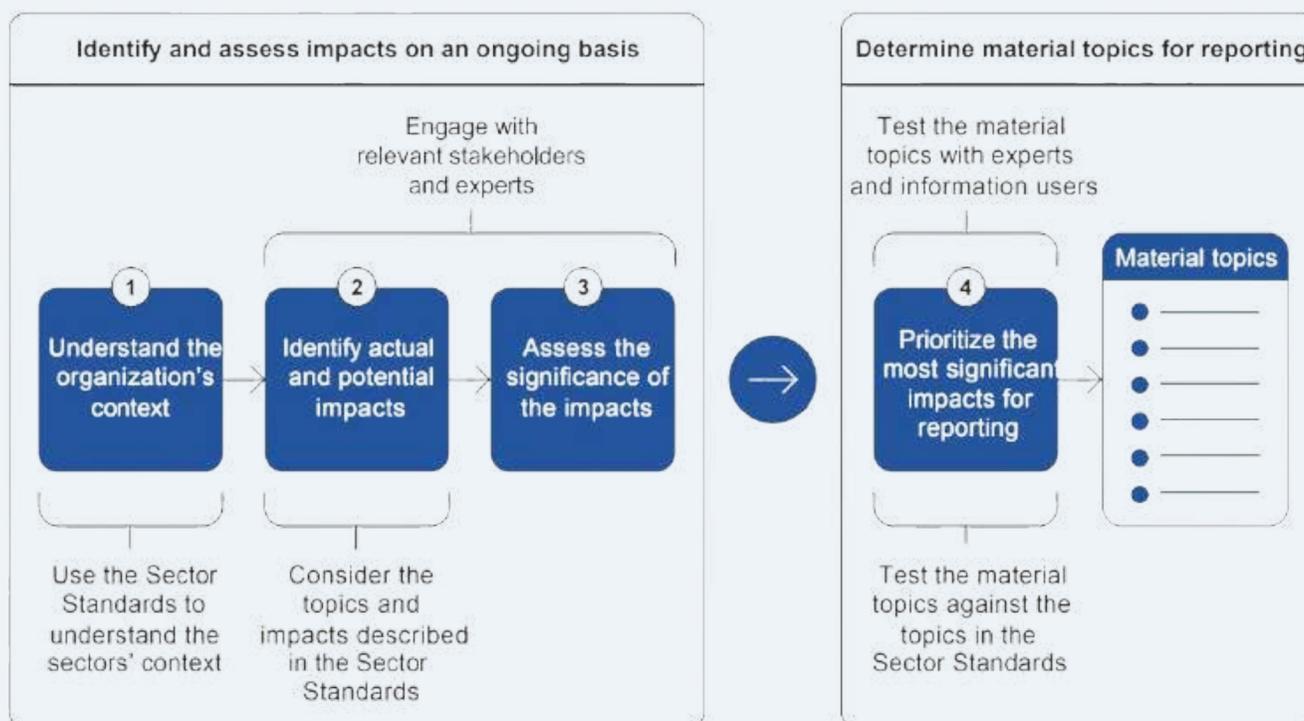
- Hiểu bối cảnh tổ chức (context)
- Nhận diện tác động thực tế và tiềm ẩn
- Đánh giá mức độ quan trọng (significance of impacts)
- Ưu tiên & lựa chọn các tác động quan trọng nhất để báo cáo

*As discussed in the previous issue, **ESG is an irreversible trend** as the global economy is rapidly shifting toward a green, circular, and responsible development model. **Preparing ESG (Environmental, Social, and Governance) reports has become a necessary condition** for organizations and businesses that seek to access international markets, long-term capital, and maintain sustainable competitiveness.*

*To prepare an ESG Report, organizations and businesses must **identify and report their material topics**. This is the most important part of an ESG Report, and the Global Reporting Initiative (GRI) Standards include a dedicated document that specifically addresses Material Topics.*

*GRI 3 (2021) provides guidance on the **four steps** that an organization should follow to determine its material topics.*

- Understand the organization's context
- Identify actual and potential impacts
- Assess the significance of the impacts
- Prioritize the most significant impacts for reporting



→ **Kết quả của quy trình này là danh sách các vấn đề trọng yếu cần phải báo cáo trong Báo cáo ESG.**
The result of this process is a list of material topics that must be reported in the ESG Report.

1 Bối cảnh tổ chức: Điểm khởi đầu không thể bỏ qua

Organizational Context: The Indispensable Starting Point

Trước khi đánh giá cái gì là "trọng yếu", tổ chức cần phải **hiểu rõ mình là ai và đang đứng ở đâu**. Theo tiêu chuẩn GRI 3 (2021), tổ chức cần xem xét các **hoạt động, mối quan hệ kinh doanh, các bên liên quan** và **bối cảnh phát triển bền vững** của tất cả các đơn vị mà tổ chức kiểm soát hoặc có lợi ích liên quan (ví dụ: công ty con, liên doanh, công ty liên kết), bao gồm cả các lợi ích cổ đông thiểu số.

Bộ Tiêu chuẩn ngành của GRI (GRI Sector Standards) mô tả **bối cảnh của từng ngành** và cũng có thể hỗ trợ tổ chức ở bước này.

Before assessing what is "material", an organization must **clearly understand its identity and current positioning**. According to the GRI 3 (2021) standard, the organization should consider the **activities, business relationships, stakeholders, and sustainability context** of all the entities it controls or has an interest in (e.g., subsidiaries, joint ventures, affiliates), including minority interests.

The GRI Sector Standards describe the **sectors' context** and they can also assist in this step.

Nhận diện tác động thực tế và tiềm ẩn

Identify actual and potential impacts

Tổ chức xác định các **tác động thực tế và tiềm ẩn** của mình đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người, xuyên suốt các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh của tổ chức.

Tác động thực tế là những tác động đã xảy ra, và **tác động tiềm ẩn** là những tác động có khả năng xảy ra nhưng chưa xảy ra. Những tác động này bao gồm tác động tiêu cực và tích cực, ngắn hạn và dài hạn, có chủ đích và ngoài ý muốn, có thể đảo ngược và không thể đảo ngược.

Để xác định các tác động, tổ chức có thể sử dụng thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Do mỗi ngành có những đặc thù riêng, **GRI Sector Standards** cung cấp hướng dẫn theo ngành nhằm hỗ trợ các tổ chức nhận diện các tác động và các chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với ngành đó.

The organization identifies its **actual and potential impacts** on the economy, environment, and people, including impacts on their human rights, across the organization's activities and business relationships.

Actual impacts are those that have already occurred, and **potential impacts** are those that could occur but have not yet occurred. These impacts include negative and positive impacts, short-term and long-term impacts, intended and unintended impacts, and reversible and irreversible impacts.

To identify its impacts, the organization can use information from diverse sources. As each sector has its own specific characteristics, the **GRI Sector Standards** provide sector-specific guidance to assist organizations in identifying impacts and topics that are likely to be material to that sector.

2. Likely material topics
- Topic 11.1 Climate change
 - Topic 11.3 Air emissions
 - Topic 11.4 Biodiversity
 - Topic 11.5 Waste
 - Topic 11.6 Water and effluents
 - Topic 11.7 Closure and rehabilitation
 - Topic 11.8 Asset integrity and critical incident management
 - Topic 11.9 Occupational health and safety
 - Topic 11.10 Employment practices
 - Topic 11.11 Non-discrimination and equal opportunity
 - Topic 11.12 Forced labor and modern slavery
 - Topic 11.13 Freedom of association and collective bargaining
 - Topic 11.14 Economic impacts
 - Topic 11.15 Local communities
 - Topic 11.16 Land and resource rights
 - Topic 11.17 Rights of Indigenous Peoples
 - Topic 11.18 Conflict and security
 - Topic 11.19 Anti-competitive behavior
 - Topic 11.20 Anti-corruption
 - Topic 11.21 Payments to governments
 - Topic 11.22 Public policy

Source: Sector Standard for Oil and Gas (GRI 11)

3 Đánh giá mức độ quan trọng của tác động

Assess the significance of the impacts

Một tổ chức khi hoạt động có thể có rất nhiều tác động, nhưng **không phải tất cả đều được xem là vấn đề trọng yếu (material topics)** đối với tổ chức đó. Vì vậy, sau khi nhận diện được các tác động thực tế và tiềm ẩn, tổ chức cần đánh giá mức độ quan trọng (significance of impacts) và thiết lập thứ tự ưu tiên của chúng.

Mức độ quan trọng của một tác động sẽ **mang tính đặc thù** đối với từng tổ chức, chịu ảnh hưởng bởi lĩnh vực hoạt động, các mối quan hệ kinh doanh và các yếu tố khác. Trong một số trường hợp, điều này đòi hỏi một quyết định mang tính chủ quan. Tổ chức nên **tham vấn các bên liên quan (stakeholders)** và các đối tác kinh doanh, cũng như đội ngũ chuyên gia nội bộ hoặc bên ngoài để đánh giá mức độ quan trọng của các tác động.

Để thiết lập thứ tự ưu tiên của các tác động, tổ chức cần đánh giá mức độ quan trọng của từng tác động dựa trên các tiêu chí như mức độ nghiêm trọng, quy mô, phạm vi và khả năng xảy ra, tùy thuộc vào bản chất của từng loại tác động.

Lưu ý: Với các tác động đến quyền con người, nguyên tắc áp dụng là Severity over Likelihood.

Ví dụ, một tổ chức vận hành nhà máy điện hạt nhân cần ưu tiên rủi ro tính mạng con người trong trường hợp xảy ra thiên tai, dù khả năng xảy ra thấp hơn các sự cố khác.

An organization may generate many impacts in the course of its operations, but **not all of them are considered material topics** for that organization. Therefore, after identifying the actual and potential impacts, the organization assesses their significance and prioritizes them.

How significant an impact is will be **specific** to the organization and will be influenced by the sectors in which it operates, and its business relationships, among other factors. In some instances, this may need a subjective decision. The organization should **consult with relevant stakeholders** and business relationships to assess the significance of its impacts. The organization should also consult relevant internal or external experts.

To prioritize impacts, the organization need to assess the significance of each impact based on criteria such as severity, scale and scope, likelihood, depending on the nature of the impact

Note: For impacts related to human rights, the severity of the impact takes precedence over its likelihood. For example, an organization operating a nuclear power facility may prioritize the potential impact related to loss of life in cases of natural disasters affecting the power facility, even though natural disasters are less likely to occur than other incidents.



Stakeholders là ai? Who are Stakeholders?

Theo **Tiêu chuẩn GRI**, các bên liên quan (stakeholders) là những cá nhân hoặc nhóm có quyền lợi bị ảnh hưởng, hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của một tổ chức, doanh nghiệp.

Các nhóm bên liên quan phổ biến của tổ chức bao gồm: đối tác kinh doanh, các tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động, cơ quan chính phủ, cộng đồng địa phương, các tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư, nhà cung cấp, công đoàn, và các nhóm dễ bị tổn thương.

Còn theo **AA1000 (AccountAbility Principles)**, nhấn mạnh tính bao gồm (inclusivity), xem xét tất cả bên liên quan, bao gồm thế hệ tương lai và môi trường, thông qua quy trình tham vấn rõ ràng.

Nói cách khác, không doanh nghiệp nào hoạt động trong “chân không”, mà luôn có sự tương tác hai chiều với những bên liên quan.

According to the **GRI Standards**, stakeholders are individuals or groups that have interests that are affected or could be affected by an organization’s activities.

Common categories of stakeholders for organizations are business partners, civil society organizations, consumers, customers, employees and other workers, governments, local communities, non-governmental organizations, shareholders and other investors, suppliers, trade unions, and vulnerable groups.

Meanwhile, the **AA1000 (AccountAbility Principles)** emphasize inclusivity, requiring organizations to consider all stakeholders including future generations and the environment through a clear and structured consultation process.

In other words, no organization operates in a “vacuum”; it is always engaged in two-way interactions with its stakeholders.

Rất có thể doanh nghiệp sẽ gặp phải tình huống sự kỳ vọng của các bên liên quan có sự mâu thuẫn với nhau. Lúc này hãy xem xét đến mức độ quan trọng của tác động (significance of impacts) và mức độ ưu tiên của từng bên liên quan trong chiến lược của doanh nghiệp.

Organizations may encounter situations where the interests of different stakeholders conflict with one another. In such cases, the organization should consider the significance of the impacts and the priority of each stakeholder group within its strategic framework.



Vì sao Stakeholders quan trọng? Why are Stakeholders important?

- Cần thiết để giúp doanh nghiệp xác định vấn đề trọng yếu (Material Topics).
- Cần thiết để tăng minh bạch và tin cậy cho báo cáo ESG.
- Cần thiết để giảm thiểu rủi ro, tạo giá trị dài hạn.

Stakeholders thường chính là nguồn rủi ro tiềm ẩn. Khi được đối thoại và đồng hành, họ lại trở thành lực đẩy giúp doanh nghiệp gắn ESG vào chiến lược phát triển dài hạn, mở ra cơ hội tăng trưởng bền vững.

- They are essential for helping organizations identify material topics.
- They are essential for enhancing transparency and credibility in ESG reporting.
- They are essential for mitigating risks and creating long-term value.

Stakeholders are often a source of potential risk. Yet when they are engaged in dialogue and collaboration, they can become a driving force that helps organizations integrate ESG into their long-term strategy and unlock opportunities for sustainable growth.



Source: www.vinamilk.com.vn



Trong Báo cáo phát triển bền vững 2024, Vinamilk đã tham vấn nhiều nhóm stakeholders – từ cơ quan quản lý, khách hàng, đến cộng đồng. Kết quả này là nền tảng để xác định danh mục vấn đề trọng yếu (Materiality Index) và gắn ESG với chiến lược dài hạn.

In its 2024 Sustainability Report, Vinamilk consulted with multiple stakeholder groups - from regulators and customers to local communities. The results served as the foundation for identifying the Materiality Index and aligning ESG with the company’s long-term strategy.

4

Ưu tiên báo cáo các tác động quan trọng nhất Prioritize the most significant impacts for reporting

Sau khi đánh giá mức độ quan trọng, tổ chức tiến hành "sàng lọc" để xác định **danh mục các vấn đề trọng yếu (Materiality Index)** sẽ được đưa vào báo cáo ESG.

Các tác động thường được sắp xếp theo mức độ quan trọng từ cao xuống thấp, sau đó tổ chức **thiết lập một ngưỡng (threshold)** để xác định những vấn đề nào cần được tập trung báo cáo. Để thuận tiện cho quá trình thiết lập vị trí ưu tiên, các tác động thường được nhóm lại thành các chủ đề lớn (ví dụ: nước và nước thải, phát thải khí nhà kính, an toàn lao động...).

Để đảm bảo tính khách quan và minh bạch, danh mục các vấn đề trọng yếu cần được **kiểm chứng thông qua tham vấn** các bên liên quan, người sử dụng thông tin (information users) và các chuyên gia am hiểu ngành.

Việc **đối chiếu với GRI Sector Standards** cũng giúp tổ chức xác định liệu có đang bỏ sót những vấn đề quan trọng đặc thù của ngành hay không. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp còn tìm kiếm **đảm bảo độc lập từ bên thứ ba (external assurance)** nhằm đánh giá chất lượng của quy trình xác định vấn đề trọng yếu.

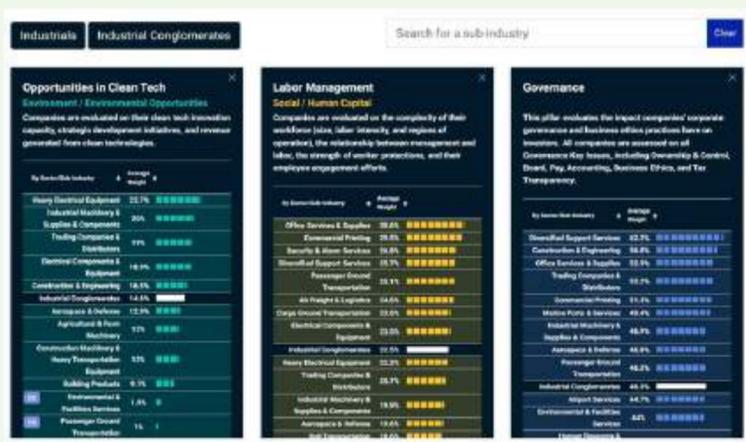
After assessing the significance of impacts, the organization proceeds to "screen" and prioritize them to establish the Materiality Index to be included in the ESG report.

Impacts are typically ranked from most to least significant, after which the organization sets a threshold to determine which issues will be prioritized for reporting. To facilitate prioritization, impacts are often grouped into topics (for example: water and wastewater, GHG emissions, occupational health and safety).

To ensure objectivity and transparency, the Materiality Index should also be **tested** with potential information users and experts who understand the organization or its sectors.

Cross-referencing with the GRI Sector Standards also helps the organization determine whether any sector-specific material issues may have been overlooked. In many cases, the organization should **seek external assurance** to assess the quality and credibility of its process of determining material topics.

Source: MSCI Materiality Map



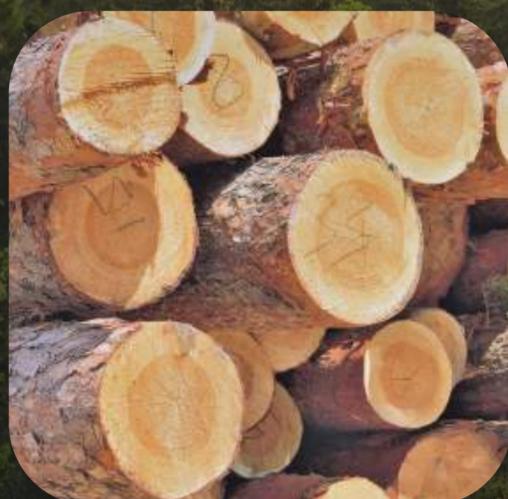
Source: Sabeco's Sustainability Report 2024

Đánh giá trọng yếu không phải là một bài tập làm một lần rồi thôi. Nó là một **quy trình động (Dynamic Materiality)**. Khi bối cảnh thế giới thay đổi, "độ ưu tiên" của các vấn đề cũng sẽ thay đổi. Một báo cáo ESG chuyên nghiệp không phải là báo cáo nói về tất cả mọi thứ, mà là báo cáo chứng minh được doanh nghiệp đã tập trung nguồn lực vào đúng những thứ thực sự quan trọng đối với sự tồn vong và phát triển bền vững của chính mình

*Materiality assessment is not a one-time exercise; it is a **process of Dynamic Materiality**. As the global landscape shifts, the 'priority' of issues evolves accordingly. A professional ESG report is not one that covers everything, but one that demonstrates how an enterprise has strategically allocated its resources toward what truly matters for its own survival and sustainable development.*

PEFC

Certification



Chứng nhận quản lý rừng bền vững

Sở hữu chứng nhận PEFC - công cụ mạnh mẽ giúp doanh nghiệp nâng tầm uy tín thương hiệu và khẳng định vị thế vững chắc trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

KHÁM PHÁ NGAY

Kiểm kê khí nhà kính

Bước đệm vững chắc cho doanh nghiệp phát triển bền vững



Vinacontrol đồng hành cùng bạn:

- ✓ Lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1
- ✓ Hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu phát thải
- ✓ Đề xuất biện pháp giảm phát thải & tối ưu năng lượng
- ✓ Hỗ trợ trong quá trình thẩm định, xác minh kết quả

KHÁM PHÁ NGAY



CBAM



Tư vấn lập báo cáo CBAM và Chuyển giao công nghệ

Làm chủ chuẩn mực xanh - Mở rộng cánh cửa vào EU

01

EU

Chinh phục thị trường EU

02



Giảm thiểu rủi ro pháp lý & tài chính

03



Cắt giảm phát thải Carbon

04



Nâng cao năng lực cạnh tranh

05



Thúc đẩy phát triển bền vững



www.vinacontrol.com.vn



vinacontrol@vinacontrol.com.vn



(+84) 24 3943 3840

KHÁM PHÁ NGAY

GIÁM ĐỊNH, THỬ NGHIỆM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU

*Chuẩn hóa chất lượng – Cùng Doanh nghiệp bạn
đưa nông sản Việt đi xa*

KHÁM PHÁ GIẢI PHÁP

- ✔ Giám định nông sản
- ✔ Phân tích thành phần,
Thử nghiệm chất lượng
- ✔ Đánh giá và Chứng nhận
- ✔ Hun – Khử trùng

CONTACT INFO

 (+84) 24 3943 3840

 vinacontrol@vinacontrol.com.vn



BẢO CHỨNG NGUỒN CUNG TẠI VIỆT NAM

SOURCING ASSURANCE SERVICES FROM VIETNAM

An tâm nguồn hàng - Kiểm soát chất lượng - Giảm thiểu rủi ro

VÌ SAO CÁC NHÀ MUA HÀNG QUỐC TẾ TIN CHỌN VINACONTROL?

Với **69 năm kinh nghiệm** trong lĩnh vực giám định, thử nghiệm và chứng nhận, **Vinacontrol** cung cấp các **dịch vụ đảm bảo sourcing độc lập**, giúp các nhà mua hàng quốc tế giảm thiểu rủi ro, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khi sourcing từ Việt Nam.

- ✓ Giải pháp bảo chứng độc lập - trung lập - khách quan
- ✓ Hiện diện trên toàn quốc, hỗ trợ nhanh chóng
- ✓ Tuân thủ tiêu chuẩn nội địa và chuẩn mực quốc tế
- ✓ Quy trình thuận tiện, tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho doanh nghiệp
- ✓ Năng lực chuyên sâu cho nhóm hàng kỹ thuật cao

HÀNH TRÌNH SOURCING - KIỂM SOÁT TOÀN DIỆN



GIẢI PHÁP CHO MỌI LĨNH VỰC:

- Sản phẩm dệt may
- Van công nghiệp và chi tiết kim loại
- Thiết bị gia dụng và nội thất
- Máy móc, thiết bị và hệ thống kỹ thuật
- Đồ chơi và sản phẩm tiêu dùng khác
- Ống thép và phụ kiện rèn
- Phụ tùng, vật tư và MRO công nghiệp

(+84) 24 3943 3840

www.vinacontrol.com.vn

vinacontrol@vinacontrol.com.vn



NHỮNG “ĐẠI SỨ XANH” THẦM LẶNG

The Silent “Green Ambassadors”



Một buổi sáng sớm tại khu công nghiệp ven thành phố. Khi dây chuyền sản xuất còn chưa vào ca, nhóm chuyên gia của Vinacontrol đã có mặt tại nhà máy. Không phải để kiểm tra một lô hàng hay thực hiện giám định quen thuộc, mà để bắt đầu một công việc mới mẻ hơn – **khảo sát dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính.**

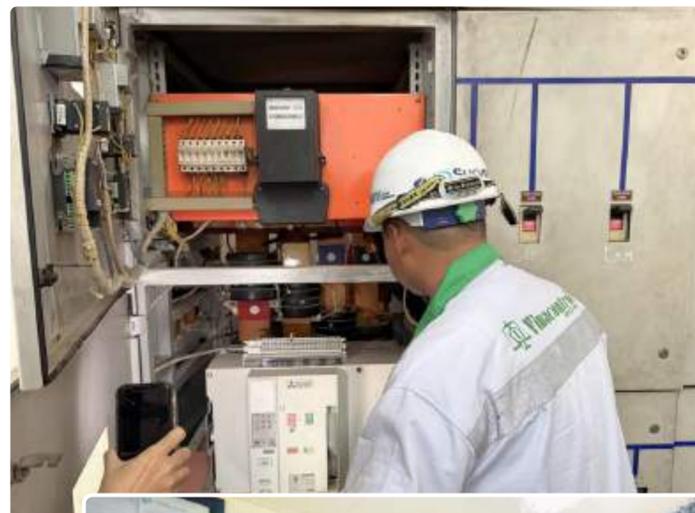
*Early morning at a suburban industrial park. Before the production lines begin their shift, a team of Vinacontrol experts is already on-site. They are not here for a routine cargo inspection or standard survey, but to embark on a more contemporary mission: **data collection for a Greenhouse Gas (GHG) inventory.***

Giải mã bức tranh phát thải từ những con số rời rạc
Double Materiality Matrix

Trên bàn làm việc tạm thời tại phòng kỹ thuật của nhà máy là vô số những bảng biểu, sơ đồ dây chuyền, các số liệu về tiêu thụ điện, nhiên liệu và nguyên vật liệu. Những con số tưởng chừng rời rạc ấy lại chính là “dấu vết” của phát thải carbon. Nhiệm vụ của chuyên gia Vinacontrol là lần theo những dấu vết đó – **đo lường, kiểm chứng và chuẩn hóa thành một bức tranh phát thải minh bạch.**

Công việc thường bắt đầu từ những bước rất cơ bản: đi thực địa để hiểu quy trình sản xuất, rà soát nguồn tiêu thụ năng lượng, trao đổi với bộ phận kỹ thuật và môi trường của doanh nghiệp. Không ít doanh nghiệp lần đầu tiếp cận kiểm kê khí nhà kính nên còn nhiều ngỡ ngàng. Khi ấy, vai trò của chuyên gia Vinacontrol không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, đánh giá độc lập mà còn là **người đồng hành, chia sẻ phương pháp và giúp doanh nghiệp hiểu đúng về quản trị carbon.**

*The process typically starts with the fundamentals: conducting site surveys to comprehend production workflows, reviewing energy consumption sources, and consulting with the facility’s technical and environmental departments. For many enterprises approaching GHG inventory for the first time, the process can be overwhelming. In these moments, the Vinacontrol expert transcends the role of an independent auditor to become a **partner - sharing methodologies and helping the business navigate the complexities of carbon management.***



*On a makeshift desk in the factory’s technical department lie spreadsheets, flowcharts, and records of electricity, fuel, and raw material consumption. These seemingly disjointed figures are, in fact, “carbon footprints.” The mission of Vinacontrol’s experts is to trace these markers - **measuring, verifying, and standardizing them into a transparent emissions profile.***

Văn hóa nghề nghiệp định hình chất lượng dịch vụ

Double Materiality Matrix

Từ việc phân loại nguồn phát thải trực tiếp và gián tiếp, hướng dẫn cách thu thập dữ liệu, đến việc giải thích ý nghĩa của từng chỉ số phát thải, **mọi bước đều đòi hỏi sự tỉ mỉ tuyệt đối**. Một sai lệch nhỏ trong dữ liệu cũng có thể khiến báo cáo mất đi độ tin cậy. Chính vì vậy, những con số trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính luôn được kiểm tra nhiều lần, đối chiếu với các hệ số phát thải và tiêu chuẩn quốc tế.

Đó cũng chính là văn hóa nghề nghiệp của Vinacontrol – **sự chính xác, khách quan và trách nhiệm** trong từng chi tiết. Trong hành trình chuyển đổi xanh của doanh nghiệp, những chuyên gia khí nhà kính của Vinacontrol giống như những **"đại sứ xanh thầm lặng"**, góp phần giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về dấu chân carbon của mình và chuẩn bị sẵn sàng cho các yêu cầu mới của thị trường toàn cầu.

*From categorizing direct and indirect emission sources and guiding data collection to explaining the significance of each emission factor, **every step demands absolute meticulousness**. Even a minor data discrepancy can undermine the credibility of a report. Consequently, every figure in a GHG inventory is cross-referenced multiple times against international standards and emission factors.*

*This embodies the professional culture of Vinacontrol: **precision, objectivity, and responsibility** in every detail. In the corporate journey toward a green transition, Vinacontrol's GHG experts act as **"Silent Green Ambassadors"**, helping businesses decode their carbon footprints and prepare for the evolving demands of the global market.*



Khi bắt đầu phát triển nghiệp vụ kiểm kê khí nhà kính, chúng tôi nhận ra rằng điều khó nhất không phải là tính toán phát thải, mà là giúp doanh nghiệp hiểu rằng carbon cũng cần được quản trị như một nguồn lực.

Nhiều doanh nghiệp ban đầu chỉ nghĩ đây là một nghĩa vụ báo cáo. Nhưng khi cùng họ rà soát dữ liệu, phân tích nguồn tiêu thụ năng lượng và nhìn thấy bức tranh phát thải tổng thể, họ bắt đầu nhận ra những cơ hội cải thiện hiệu suất và tiết kiệm chi phí.

Với Vinacontrol, mỗi báo cáo kiểm kê hoàn thành không chỉ là một bộ số liệu, mà là một bước khởi đầu để doanh nghiệp bước vào hành trình phát triển bền vững một cách bài bản và minh bạch hơn.

When we first began developing our GHG inventory services, we realized that the greatest challenge wasn't the emission calculations themselves, but helping businesses understand that carbon must be managed as a strategic resource.

Many companies initially view this merely as a reporting obligation. However, as we review the data together, analyze energy sources, and visualize the overall emissions profile, they begin to recognize opportunities for operational efficiency and cost savings.

For Vinacontrol, a completed inventory report is more than just a set of data; it is the starting point for an enterprise to embark on its sustainable development journey with greater structure and transparency.

Mrs. Hoàng Thị Kim Cương

Chuyên gia khí nhà kính

GHG Expert

Vinacontrol Group

“

The journey of a thousand miles
begins with a single step.

– Lao Tzu



”

*Hành trình vạn dặm luôn
bắt đầu từ bước chân nhỏ bé.*



March 2026

Week 1

Giám định hàng hóa ★

Giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

Theo Quyết định 18/2019/QĐ-TTg, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng khi nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện nghiêm ngặt về năm sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng và mức độ an toàn. Việc giám định độc lập là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ, thông quan thuận lợi và bảo vệ quyền lợi đầu tư.

Commodity Inspection ★

Inspection of use machinery, equipment and production lines

Under Decision No. 18/2019/QĐ-TTg, used machinery, equipment and technological lines imported into Vietnam must satisfy strict conditions regarding manufacturing year, quality standards, and safety levels. Independent inspection serves as an essential basis for businesses to complete documentation, facilitate smooth customs clearance, and protect investment interests.

Week 2

Kiểm định chất lượng và an toàn sản phẩm

Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị điện

Hệ thống điện an toàn là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định và liên tục. Thông qua giải pháp kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị điện, Vinacontrol giúp tổ chức, doanh nghiệp đánh giá mức độ an toàn của thiết bị, phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành.

Product Quality and Safety Inspection

Technical safety inspection of electrical equipment

A safe electrical system is the fundamental prerequisite for ensuring stable and continuous production operations. Through our technical safety inspection solutions for electrical equipment, Vinacontrol assists organizations and enterprises in assessing equipment safety levels, identifying latent hazards early, and ensuring full compliance with prevailing legal regulations.

★ Chủ đề truyền thông chung toàn Tập đoàn



March 2026

Week 3

Phân tích và thử nghiệm chất lượng hàng hóa

Kiểm nghiệm nước - Giải pháp cho nguồn nước sạch

Nước sạch không chỉ là nhu cầu thiết yếu của mỗi gia đình mà còn là yếu tố quan trọng trong hoạt động sản xuất. Thông qua dịch vụ kiểm nghiệm nước, Vinacontrol cung cấp kết quả phân tích và kiểm nghiệm chính xác, giúp kiểm soát chất lượng nguồn nước, bảo vệ sức khỏe người sử dụng và đáp ứng các quy chuẩn hiện hành.

Goods Quality Analysis and Testing

Water Testing: The solution for clean water sources

Clean water is not only a fundamental necessity for every household but also a critical factor in industrial production. Through our specialized water testing services, Vinacontrol provides highly accurate analytical results, enabling effective water quality control to safeguard public health and ensure full compliance with prevailing standards.

Week 4

Chứng nhận sản phẩm

Chứng nhận hợp quy thức ăn chăn nuôi

Để sản phẩm thức ăn chăn nuôi được lưu hành hợp pháp trên thị trường, doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện chứng nhận hợp quy theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đây là bước đánh giá độc lập nhằm xác nhận sản phẩm và quy trình sản xuất đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng và an toàn. Thông qua chứng nhận hợp quy, doanh nghiệp không chỉ đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước mà còn củng cố uy tín sản phẩm và niềm tin của thị trường.

Product Certification

Conformity certification of animal feed

To legally circulate animal feed in the market, enterprises must obtain conformity certification under prevailing technical regulations. This independent assessment verifies that both products and production processes fully meet quality and safety standards. Beyond regulatory compliance, this certification is key to bolstering product credibility and market confidence.

Group-wide communication theme

Vinacontrol Group

Address: 54 Tran Nhan Tong, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

Tel.: +84 24 3943 3840 | Email: vinacontrol@vinacontrol.com.vn

www.vinacontrol.com.vn | www.facebook.com/vinacontrolpage